

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐÀO TẠO NHÂN TRÍ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐÀO TẠO NHÂN TRÍ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NHAN TRI TRAINING AND SCIENCE TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NHANTRI CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108749066

**3. Ngày thành lập:** 21/05/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 31, Tổ 10 Yên Lộ, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0943.140.955

Fax:

Email: [nguyenquanghuy2407@gmail.com](mailto:nguyenquanghuy2407@gmail.com) Website: <http://nhantri.org>

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Giáo dục tiểu học                                                                                                                        | 8521        |
| 2.  | Giáo dục trung học cơ sở                                                                                                                 | 8522        |
| 3.  | Giáo dục trung học phổ thông                                                                                                             | 8523        |
| 4.  | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                           | 8531        |
| 5.  | Đào tạo trung cấp                                                                                                                        | 8532        |
| 6.  | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                         | 8533        |
| 7.  | Đào tạo thạc sỹ                                                                                                                          | 8542        |
| 8.  | Đào tạo đại học                                                                                                                          | 8541        |
| 9.  | Đào tạo tiến sỹ                                                                                                                          | 8543        |
| 10. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                            | 8551        |
| 11. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                              | 8552        |
| 12. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu                                                                                                     | 8559        |
| 13. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                  | 8560        |
| 14. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn thiết bị giáo dục<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm | 4669        |
| 15. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                      | 4651(Chính) |
| 16. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                       | 4652        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)  | 4659 |
| 18. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                        | 4741 |
| 19. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                     | 4742 |
| 20. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                      | 4761 |
| 21. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                    | 4763 |
| 22. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                                                           | 7110 |
| 23. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; Tư vấn chứng khoán)             | 7490 |
| 24. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu | 7730 |
| 25. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7820 |
| 26. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7020 |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.                                                                                                                                                         | 8299 |
| 28. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Trừ các loại thông tin nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)                                                                                                                                                                                         | 7320 |
| 29. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                               | 6209 |
| 30. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                                                                                                                     | 7212 |
| 31. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6201 |
| 32. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                           | 6202 |
| 33. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                            | 6311 |
| 34. | Cổng thông tin<br>(trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                     | 6312 |

|     |                                            |      |
|-----|--------------------------------------------|------|
| 35. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi  | 9511 |
| 36. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                 | 9512 |
| 37. | Sao chép bản ghi các loại                  | 1820 |
| 38. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác | 4299 |